

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HSST

Ngày: 29/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Bà Đỗ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức N**; Tên gọi khác: Không;

S ngày: 30/8/1984, tại tỉnh Đ

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12 phổ thông; Con ông: Trần Đức M (Đã chết); Con bà: Trần Thị S; Vợ: Phạm Thị D (Đã chết); Con: Có 01 người con S năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 07/10/2021, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử.(Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn L; Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Lường Văn K; Địa chỉ: Bản H 02, phường H; thành phố B, tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 20 phút 07/10/2021, tại phòng trọ do Nguyễn Văn L thuê ở gần đường Sùng Phái S, thuộc tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, tổ công tác Công an phường T kiểm tra, phát hiện bị cáo Trần Đức N là bạn đến ở nhờ cùng L trước đó khoảng 3 ngày, đang ngồi trong nhà vệ S, dùng dao lam chia nhỏ một cục chất bột màu trắng ra thành nhiều cục nhỏ trên mảnh giấy bạc màu vàng. N khai: Cục chất bột màu trắng đó là ma túy, loại Heroine. Nguồn gốc số ma túy trên là bị cáo mua của người phụ nữ dân tộc Thái không quen biết, với giá 200.000 đồng vào khoảng 12 giờ cùng ngày, tại bản Xôm, xã Thanh An, huyện Đ, mang về giấu trên mặt ống nhựa bộ phao trong bình chứa nước bồn cầu vệ S. Khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, khi L không có ở phòng trọ, bị cáo lấy gói Heroine ra, dùng dao lam chia nhỏ để sử dụng thì bị cơ quan công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 07/10/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và kết luận giám định số 1164/GĐ-PC09 ngày 15/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột thể rắn màu trắng đục thu giữ của Trần Đức N gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,24 gam.

Tại bản cáo trạng số 168/CT-VKS-TPĐBP ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần Đức N về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS xử phạt bị cáo Trần Đức N từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,14 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 dao lam, 01 mảnh giấy bạc màu vàng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 07/10/2021, Trần Đức N đã có hành vi cất giấu, chia nhỏ 0,24 gam Heroine trong nhà vệ S thuộc tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồ 14 giờ 30 phút ngày 07/10/2021, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 07/10/2021, kết luận giám định số 1164/GĐ-PC09 ngày 15/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo, với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố bị cáo Trần Đức N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là 0,24 gam Heroine thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có

ngành nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của một người phụ nữ tại bản Xôm, xã Thanh An, huyện Đ, nhưng không biết họ tên, địa chỉ của người này, hai người đàn ông cho bị cáo đi nhờ xe, nhưng bị cáo cũng không biết họ, tên của hai người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh L là người cho bị cáo ở nhờ, anh Lương Văn K, khi đến nhà tìm anh L, đều không biết việc bị cáo đang cất giấu ma túy trong nhà, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý với anh L và anh K là có cơ sở.

[6]. Vật chứng: 0,14 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cầm tàng trữ, 01 dao lam, 01 mảnh giấy bạc màu vàng, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.
- Tuyên bố bị cáo Trần Đức N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (07/10/2021).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,14 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 con dao lam, 01 mảnh giấy bạc màu vàng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành